

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẠY HỌC PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9

TS. LÊ THỊ PHƯƠNG\*

Theo Hoàng Phê, "*Hiệu quả là kết quả như yêu cầu của việc làm mang lại*" (1). Đối với phân môn *Tập làm văn* (TLV), sản phẩm của dạy học là sản phẩm vận dụng tạo lập văn bản (VB) của người học. Từ quan niệm trên, có thể hiểu, hiệu quả dạy học TLV theo sách giáo khoa (SGK) **Ngữ văn 9** (NV9) là kết quả tạo lập bốn "kiểu" VB: *thuyết minh, tự sự, nghị luận* và *hành chính - công vụ* của học sinh (HS) so với chuẩn chương trình trung học cơ sở (THCS).

Tháng 5/2010, tiến hành khảo sát đánh giá "trình độ tạo lập VB của HS" ở 16 lớp 9 thuộc 8 trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (gồm: Lê Lợi, Lý Tự Trọng (TP Thanh Hóa), Đông Tân (huyện Đông Sơn), Dân tộc nội trú Quan Sơn (huyện Quan Sơn), Nga Giáp, Chu Văn An, Nga Lĩnh, Nga Thạch (huyện Nga Sơn), có so sánh với một khảo sát tương tự chúng tôi thực hiện vào tháng 5/2006) và có một số nhận xét sau:

## 1. Những ưu điểm

1) **HS viết được các bài văn có nội dung chân thực; biết đưa ra những cảm nhận, suy nghĩ riêng; hạn chế được kiểu làm văn "khuôn sáo"**. Khảo sát 360 bài viết của HS lớp 9 (gồm: 120 bài viết số 1 - kiểu VB thuyết minh sử dụng các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả; 120 bài viết số 3 - kiểu VB tự sự sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm, biểu cảm, nghị luận và 120 bài viết số 7 - dạng nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ), có thể nhận thấy HS viết ngắn gọn, chân thực; mỗi bài viết thực sự trở thành cơ hội để các em bày tỏ tình cảm, suy nghĩ, hiểu biết của mình. Nếu làm văn theo sách cái cách chính lí trước đây, HS thường có thói quen tái hiện kiến thức, chứng minh hoặc giải thích, phân tích ý kiến/nhận định của người khác,... thì bài làm văn hiện nay của các em đã biết thể hiện suy nghĩ, tình cảm của mình; biết sử dụng kết hợp nhiều thao tác để thể hiện rõ những suy nghĩ cá nhân. Nếu trước đây HS có tâm lí "ngại"

làm văn (vì sợ không nói đúng ý thầy/cô sẽ bị điểm thấp) thì bây giờ HS đã tỏ ra hứng thú với các bài làm văn vì ở đó các em được thể hiện sự hiểu biết của mình gắn với đời sống thực tế của bản thân với những cảm xúc thật trong trẻo, hồn nhiên, chân thực và đầy ý nghĩa.

Theo chúng tôi, sự thay đổi tích cực của phân môn TLV (NV9) xuất phát từ:

a) "**Đề văn**". Đề văn hiện nay không yêu cầu hay đòi hỏi các em luận bàn về những vấn đề "cao siêu" hay xa rời thực tế đời sống của tuổi thơ mà rất gần gũi, thiết thực như: "*Thuyết minh về một vật dụng trong gia đình em* (hoặc "*về cây lúa Việt Nam*"; "*về loài cây em yêu*"; "*về con vật nuôi trong gia đình em*";...) hay: "*Nhân ngày 20/11, kể cho các bạn nghe về một kỉ niệm của em với thầy, cô giáo cũ*"; "*Quê em có nhiều tấm gương vượt lên số phận, học tập thành công. Lấy nhan đề "Những người không chịu thua số phận" em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về những con người ấy*" hoặc "*Vì sao hút thuốc lá có hại*"; "*Vì sao nói dối có hại*", đề được ra theo hướng "mở", không gò ép tư duy HS mà kích thích nhu cầu bộc lộ cũng như khơi gợi các em biết suy nghĩ "nhiều chiều" trước một đề tài cụ thể.

b) **Khái niệm về "kiểu VB và các thao tác tạo lập VB" được mở rộng** cho phù hợp với nhu cầu biểu đạt tự nhiên, linh hoạt của HS.

c) **Có sự đổi mới "chuẩn đánh giá" kết quả bài làm văn của HS**: đề cao chủ kiến cá nhân; khuyến khích năng lực vận dụng linh hoạt sáng tạo; chú ý nội dung chân thực vận dụng liên hệ vào thực tế; chống sự "sao chép"; coi trọng bài viết có kĩ thuật,...

2) **HS biết sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt và các phép lập luận để tạo lập VB**, phù hợp với nhu cầu biểu đạt tự nhiên, linh hoạt của các em. Khảo sát cho thấy, có 77,2% bài làm văn của

\* Trường Đại học Hồng Đức

HS đạt được mục tiêu này. Chẳng hạn, trong bài văn "Thuyết minh về cây lúa", em Nguyễn Thị Hồng Hạnh (lớp 9A- THCS Chu Văn An - Nga Sơn) đã sử dụng đan xen yếu tố miêu tả và hình thức tự thuật: "Thời kì trở đòng đòng là thời kì họ nhà lúa chúng tôi đẹp nhất. Thân lúa xanh mơn mớn, lá lúa mượt mà như con gái tuổi dậy thì. Thời kì này người ta gọi là thời kì lúa đón đòng. Họ thường bón phân để chúng tôi có thêm sức nuôi bông. Những bông lúa nõn nà trắng sữa nằm gọn trong vỏ áo như đứa con nằm trong lòng mẹ rất đáng yêu. Thời kì lúa chín, bông lúa vàng óng, hạt lúa tròn chắc mẩy như hạt chanh. Các bà lúa tựa đầu vào nhau đung đưa theo gió. Những chiếc lá cứng, sắc, nhọn vung thẳng lên trời như thanh kiếm sắp sửa ra trận. Lúa nếp thì thân cứng, bông dài và dai hơn lúa tẻ". Hay khi viết bài văn nghị luận, nhiều HS lại ưu tiên sử dụng kết hợp các thao tác tư duy (như: giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, nhận xét đánh giá và yếu tố biểu cảm). Đặc biệt, với những HS có lực học "khá" trở lên, vốn hiểu biết đời sống và kiến thức tác phẩm văn chương đã được các em vận dụng khá nhuần nhuyễn, có sức truyền cảm. HS Nguyễn Lê Sơn (lớp 9A- THCS Lê Lợi) đã bình về một đoạn thơ trong bài "Sang thu" của Hữu Thỉnh: "Bỗng nhận ra hương ổi/Phả vào trong gió se/Sương chùng chình qua ngõ/Hình như thu đã về" như sau: "Đoạn thơ có cái hương vị nồng ấm của tiết trời vừa chớm thu ở một miền quê nhỏ vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tín hiệu đầu tiên để nhà thơ nhận ra mùa thu là hương ổi thoang thoang trong làn gió nhẹ (...). Tác giả lắng nghe mùa thu về bằng mọi giác quan: bằng khứu giác để tận hưởng hương vị thơm lừng của ổi chín - đó là giống ổi đào chỉ có ở một số vùng quê đồng bằng Bắc bộ, bằng cảm giác để cảm nhận tiết trời hanh hao lành lạnh của gió heo may, bằng thị giác để đắm mình trong không gian thơ mộng huyền ảo của sương mờ giăng lối và còn bằng cả thính giác nữa để có thể nhận ra cái dáng thu thanh tao, bước đi êm dịu của mùa thu đang đến".

**3) Phát huy được vốn sống và năng lực liên tưởng, tưởng tượng của HS trong bài làm văn.** Chủ đề, đề tài nêu ra trong các bài làm văn đều là các vấn đề gắn gũi với đời sống tâm hồn HS. Vì vậy, đọc bài làm văn của HS lớp 9 hiện nay, có thể thấy các em đều viết bằng suy-nghĩ của mình, tình

cảm của mình và những hiểu biết từ thực tế muôn màu muôn vẻ của đời sống. Khắc phục được những "hạt sạn" trong hành văn diễn đạt, chất chiu được các ý nằm rải rác trong bài văn,... chúng ta sẽ thấy tiếng nói nhân sinh của các em thật trong trẻo, hồn nhiên và đáng yêu nhờ sự liên tưởng tự do bay bổng. Ví dụ, với đề làm văn "Tưởng tượng mình gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm "Tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật", HS Nguyễn Như Quỳnh (lớp 9A - THCS Đông Tân) đã viết "Thưa anh Phạm Tiến Duật, theo em được biết thì anh là chiến sĩ lái xe tại cuộc kháng chiến chống Mĩ phải không? Vậy anh nghĩ sao về tuổi trẻ của các anh hồi đó? - Nói làm sao cho hết được hả em! Mỗi người một ý nghĩ chẳng ai giống ai cả. Nhưng trong suy nghĩ của anh lúc ấy, bây giờ và mãi mãi về sau thì hồi đó vẫn đẹp nhất. Gian khổ, vất vả, nguy hiểm thật đấy nhưng anh em đồng đội đùm bọc yêu thương nhau như "cánh một cội" như "chân với tay" ai cũng lo cho đất nước không đổ ky và ích kỉ như bây giờ".

**4) HS biết cách làm các kiểu VB thông dụng trong đời sống xã hội.** Với quan niệm: nếu làm văn chỉ bó hẹp ở những VB có nội dung văn học là thu hẹp tầm mắt của HS, làm hạn chế kết quả dạy học làm văn trong nhà trường..., chúng tôi đã tiến hành khảo sát năng lực tạo lập bốn kiểu VB của HS lớp 9. Kết quả cho thấy: 71% bài văn thuyết minh đạt yêu cầu sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả và một số biện pháp nghệ thuật; 82,5% bài văn tự sự có yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận đạt yêu cầu; 61,6 % bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ biết sử dụng đan xen nhiều phép lập luận và phương thức biểu đạt; 77,4% bài làm văn viết được các loại đơn từ, hợp đồng đơn giản theo mẫu, viết được những bức thư hoặc điện chúc mừng/thăm hỏi phù hợp với tình huống thực tế. Đây là những phẩm chất cần có ở một người công dân trong thời đại văn minh hiện đại. Điều đáng nói hơn là HS đã có ý thức vận dụng kết hợp kiến thức của làm văn với đời sống thực tế và các phương thức biểu đạt trong quá trình tạo lập VB. Tuy nhiên, để HS viết được những kiểu VB đó có chất lượng tốt đòi hỏi GV bộ môn còn rất nhiều việc phải làm trong giảng dạy.

## 2. Một số tồn tại, hạn chế

**1) HS chưa nắm vững bốn dạng bài nghị luận** (về một sự việc hiện tượng đời sống; về một tư

tưởng, đạo lí; về một tác phẩm hoặc đoạn trích; về một bài thơ hoặc đoạn thơ), chưa phân biệt rõ ràng yêu cầu chính của từng phần trong bố cục nên dẫn đến cách làm bốn dạng bài đó thường “na ná” giống nhau. Nhiều GV bộ môn cho rằng hạn chế này không phải hoàn toàn do cách dạy của GV mà là do thời gian dành cho HS thực hành luyện tập bốn dạng bài văn nghị luận quá ít (trong khi kiểu VB nghị luận giữ một vị trí không nhỏ trong nhà trường và đời sống xã hội).

**2) Kỹ năng tìm hiểu đề và tìm ý trước một đề văn ở HS còn yếu** (nhất là đối với dạng đề ra theo hướng “mở”). Nhìn chung, các em ít có thói quen tìm hiểu đề và tìm ý trước khi viết một bài văn mà thường chỉ đọc đề qua loa một vài lần rồi viết bài; vừa viết vừa tìm ý,... dẫn đến tình trạng “lạc ý”, ý lộn xộn hoặc thiếu ý. HS cũng không xác định đúng kiểu VB để yêu cầu tạo lập nên sử dụng các phương thức tạo lập một cách tùy tiện, tùy hứng nên nội dung biểu đạt của bài văn cũng lộn xộn, thiếu trọng tâm và sự liên kết chặt chẽ.

**3) Khả năng diễn đạt của HS trong bài làm văn còn nhiều hạn chế**, như: dùng từ không phù hợp với ý mình cần bày tỏ; chấm câu tùy tiện, mắc nhiều lỗi đoạn văn, lỗi chính tả; chữ viết xấu, trình bày cầu thả,... Theo chúng tôi, nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này trước hết là do GV khi chấm bài văn ít quan tâm sửa lỗi diễn đạt và lỗi chính tả cho HS; không có lời nhận xét hay những chỉ dẫn cụ thể giúp HS nhận biết lỗi sai và khắc phục lỗi sai,... mà chỉ chú ý trong việc cho điểm; phần “luyện tập thực hành” ít chú trọng về “luyện viết” mà chỉ yêu cầu HS trả lời câu hỏi (bằng miệng), thảo luận, trao đổi hoặc nêu ý; nội dung “trắc nghiệm” trong đề thi chiếm từ 30%-40% ,...

### 3. Đề xuất, kiến nghị

**1) Sách dùng cho GV Ngữ văn THCS cần có phần “Hướng dẫn cho GV cách đánh giá, chấm điểm bài làm văn của HS”** theo hướng “mở” phù hợp với cách ra đề hiện nay; đảm bảo tính thống nhất trong kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS của GV trong nhà trường.

**2) Tăng thời lượng thực hành cho bốn dạng bài văn nghị luận trong NV9** giúp HS nhận biết rõ tính chất của mỗi dạng bài và tạo lập đúng phù hợp với mục đích giao tiếp qua thực hành luyện tập.

**3) SGK Ngữ văn THCS cần có thêm các bài tập thực hành** rèn kĩ năng diễn đạt cho HS (gồm các yêu cầu viết ngắn, viết dài trên cùng một chủ đề và ngược lại).

Ngoài ra, GV cần: tăng cường luyện tập cho HS một số kĩ năng cơ bản (như: tìm hiểu đề và tìm ý); chú trọng sửa lỗi về diễn đạt, dùng từ đặt câu, lỗi tổ chức ý,... trong khi chấm bài làm văn của HS; nghiên cứu tìm phương pháp dạy học mang lại hiệu quả nhất.

\*\*\*

Có thể nói, những đổi mới trong dạy học TLV theo chương trình, NV9 đang đem lại một luồng sinh khí mới cho môn học *Ngữ văn* ở nhà trường phổ thông sau gần 10 năm thực hiện. Kế thừa và đổi mới là một trong những quan điểm có tính bắt buộc của mỗi cuộc thay sách. Bài viết mong góp thêm một ý kiến nhỏ nhằm nâng cao chất lượng và hứng thú học phân môn TLV của HS THCS, đáp ứng yêu cầu đào tạo những con người có kĩ năng thành thạo và năng lực thực hành giỏi. □

(1) Hoàng Phê (chủ biên). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng, 2000.

#### Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. *Chuẩn chương trình trung học cơ sở môn Ngữ văn*, 2005.
2. Nguyễn Khắc Phi (chủ biên). *Ngữ văn 6, 7, 8, 9*. NXB Giáo dục, 2005.
3. Lê Thị Phương. *Đánh giá hiệu quả dạy học tập làm văn theo sách giáo khoa Ngữ văn 9* (Luận án Tiến sĩ), 2009.
4. Lê Khánh Sần - Nguyễn Ngọc Hóa. *Tập làm văn 9*. NXB Giáo dục, H.1998.

#### SUMMARY

*Innovation-based learning how to write programs, textbook Literature 9 is bringing a new spirit to the Philological subjects in schools. After nearly ten years of implementation, the problem of distributed innovation Exercising arts no longer difficult embarrassing for teachers and students in the early years. Students write texts with genuine content, that make sense, their own ideas, know how to use a combination of modes of expression and the text allows the argument to establish, promote living capital and associated capacity, the imagination of the students in the essay. students know how to type text in social life. Besides the above advantages still exist some limitations to overcome as the student has not mastered the four types of discourse, emphasizes learn skills and find prior written especially for the form set out open towards the student's ability to express in the essay is limited.*